

Số: 30/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2020

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự (sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2018/NĐ-CP) và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2019/NĐ-CP) về phân loại tài sản cần định giá, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản; tiếp nhận và triển khai yêu cầu định giá tài sản; thành lập Hội đồng định giá tài sản; quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá tài sản, Tổ giúp việc Hội đồng định giá tài sản; căn cứ định giá tài sản; lập kế hoạch định giá tài sản; khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; yêu cầu khi áp dụng phương pháp định giá tài sản; chi phí định giá, định giá lại tài sản trong tổ tụng hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Hội đồng định giá tài sản; thành viên Hội đồng định giá tài sản (sau đây gọi tắt là Hội đồng định giá, thành viên Hội đồng); cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3: Phân loại tài sản cần định giá

1. Đối với vụ án có nhiều tài sản khác nhau, trước khi gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản tới Hội đồng định giá theo vụ việc cấp bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm rà soát, phân loại tài sản để yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ thành lập Hội đồng định giá phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được giao.

2. Tài sản có thể phân loại được để tách riêng thực hiện định giá đối với từng nhóm tài sản là những tài sản độc lập về mặt vật lý, tính năng sử dụng, không bị phụ thuộc, ảnh hưởng lẫn nhau về mặt giá trị và chức năng sử dụng, không bị thay đổi về mặt giá trị sau khi phân loại.

Điều 4. Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi gửi văn bản yêu cầu định giá tài sản phải cung cấp kèm theo các hồ sơ, tài liệu liên quan đến yêu cầu định giá tài sản bao gồm:

a) Tài liệu thể hiện đặc điểm pháp lý, kinh tế-kỹ thuật của tài sản cần định giá:

Đối với bất động sản bao gồm: Trích lục Bản đồ quy hoạch chi tiết khu vực (nếu có); Bản đồ quy hoạch 1:500 đối với tài sản là các dự án bất động sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hoặc một trong các loại giấy chứng nhận nguồn gốc bất động sản trong trường hợp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (như Quyết định giao, cấp đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất ở do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; Quyết định phân nhà, phân đất của thủ trưởng cơ

quan đơn vị; hợp đồng mua nhà của các đơn vị có tư cách pháp nhân được cơ quan có thẩm quyền giao đất làm nhà bán; các giấy tờ về đất ở do cơ quan có thẩm quyền của chế độ cũ đã cấp), trường hợp chủ bất động sản có các giấy tờ kê trên nhưng không đúng tên chủ đang sử dụng thì phải có các giấy tờ kèm theo chứng minh như giấy tờ mua bán nhà, giấy tờ thừa kế, chia, tặng bất động sản đó; giấy phép xây dựng, bản vẽ thiết kế xây dựng, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng và các tài liệu liên quan đến sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp (nếu có), sơ đồ vị trí bất động sản và các bản vẽ khác; các hợp đồng mua, bán và cho thuê bất động sản; ảnh chụp mô tả về bất động sản; Giấy chứng nhận đầu tư; những tài liệu khác thể hiện tính pháp lý của bất động sản.

Đối với vật tư, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác bao gồm: Các hợp đồng mua, bán; hóa đơn mua, bán; tờ khai hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu; những tài liệu khác thể hiện tính pháp lý, đặc điểm kinh tế-kỹ thuật của tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.

b) Tài liệu thể hiện thông tin về thân nhân người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị can, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản cần định giá để phục vụ việc rà soát thành phần Hội đồng định giá đảm bảo theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

c) Chứng cứ thu thập được (vật chứng, lời khai, lời trình bày, dữ liệu điện tử và các tài liệu, đồ vật khác) có liên quan, phục vụ cho việc định giá tài sản cần định giá (nếu có);

d) Biên bản giám định tình trạng kinh tế kỹ thuật, tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm cần định giá (nếu có);

đ) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến yêu cầu định giá tài sản.

2. Trường hợp yêu cầu định giá lại tài sản, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp cung cấp cho Hội đồng định giá các tài liệu, hồ sơ của các lần định giá trước đó và kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể căn cứ, lý do nghi ngờ kết quả định giá, định giá lại tài sản.

3. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm phối hợp cung cấp bổ sung hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc định giá tài sản khi nhận được yêu cầu của Hội đồng định giá trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. Trường hợp không thể đáp ứng được yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu trong thời hạn trên, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có văn bản nêu rõ lý do gửi Hội đồng định giá biết, đồng thời thống nhất điều chỉnh thời gian định giá tài sản cho phù hợp.

4. Tất cả hồ sơ, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp cho Hội đồng định giá là bản chính hoặc bản sao đóng dấu giáp lai của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Điều 5. Tiếp nhận và triển khai yêu cầu định giá tài sản

1. Khi nhận được yêu cầu định giá, cơ quan được yêu cầu định giá tiến hành rà soát ngay hồ sơ, tài liệu để xác định rõ yêu cầu định giá, các thông tin cần thiết liên quan đến tài sản yêu cầu định giá và thời gian trả kết quả định giá; trên cơ sở đó, có văn bản trao đổi lại ngay với cơ quan yêu cầu định giá về những nội dung chưa rõ trong văn bản và hồ sơ, tài liệu yêu cầu định giá (nếu cần thiết). Trường hợp từ chối thành lập Hội đồng định giá, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu định giá, cơ quan nhận được yêu cầu định giá phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do từ chối cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng biết.

Đối với tài sản định giá là bất động sản, dự án bất động sản, cơ quan được yêu cầu định giá phải rà soát và trao đổi với cơ quan yêu cầu định giá làm rõ các thời điểm định giá gắn với quy hoạch sử dụng đất, thiết kế đô thị (nếu có).

2. Thời gian tiếp nhận yêu cầu định giá tính từ thời điểm cơ quan được yêu cầu định giá nhận được văn bản yêu cầu định giá tài sản kèm theo đầy đủ hồ sơ, tài liệu quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Trường hợp không đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu định giá, cơ quan được yêu cầu định giá có văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bổ sung đầy đủ hồ sơ, tài liệu cần thiết. Trong trường hợp này, thời gian tiếp nhận yêu cầu định giá tính từ thời điểm cơ quan được yêu cầu định giá nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu bổ sung.

Điều 6. Thành lập Hội đồng định giá tài sản

1. Việc thành lập Hội đồng định giá phải đảm bảo đúng thời hạn, không để ảnh hưởng đến tiến độ định giá tài sản theo yêu cầu. Các cơ quan, đơn vị liên quan được yêu cầu cử người tham gia làm thành viên Hội đồng kịp thời có văn bản cử người tham gia Hội đồng định giá theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thành lập Hội đồng định giá, bảo đảm tiến độ, thời hạn trong văn bản yêu cầu cử người và chịu trách nhiệm nếu chậm trễ làm ảnh hưởng chung đến tiến độ định giá của Hội đồng định giá.

2. Đối với việc thành lập Hội đồng định giá có thành viên Hội đồng là đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2019/NĐ-CP, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì thành lập Hội đồng định giá gửi văn bản yêu cầu cử người đến bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, trong đó nêu rõ thời hạn cử người. Khi hết thời hạn yêu cầu cử người ghi trên văn bản mà chưa nhận được văn bản cử người của bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan thì bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì thành lập Hội đồng định giá được quyền ban hành quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định thành lập Hội đồng định giá, trong quyết định ghi theo nguyên tắc là tên bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và tên đại diện cá nhân cụ thể được thực hiện theo văn bản cử người của bộ, cơ quan ngang bộ đó; bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan có trách nhiệm hoàn thành việc cử người làm thành viên Hội đồng khi nhận được

quyết định thành lập Hội đồng định giá để đảm bảo không ảnh hưởng đến tiến độ định giá tài sản theo yêu cầu. Văn bản cử người của bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan được coi là một phần của Quyết định thành lập Hội đồng định giá.

3. Căn cứ tình hình tiếp nhận yêu cầu định giá tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh thành lập Hội đồng định giá thường xuyên để tiếp nhận các yêu cầu định giá đảm bảo thuận lợi cho việc tổ chức triển khai công việc khi phát sinh; đơn giản hóa việc trình thành lập Hội đồng định giá. Việc thành lập Hội đồng định giá thường xuyên cấp huyện và cấp tỉnh được tiến hành theo trình tự, thủ tục sau đây:

a. Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực tài chính cùng cấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên; thành phần của Hội đồng định giá theo quy định tại Điều 7 và Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

b. Căn cứ vào tình hình thực tế, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh thành lập Hội đồng định giá thường xuyên gồm Chủ tịch Hội đồng định giá, thành viên thường trực của Hội đồng định giá là nhân sự cụ thể và các thành viên còn lại được quy định tên nhân sự cụ thể (nếu có) hoặc theo nguyên tắc dự kiến về số lượng, thành phần cơ quan chuyên môn có liên quan; đồng thời ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng định giá quyết định bằng văn bản danh sách cụ thể các thành viên còn lại trong Hội đồng định giá phù hợp với từng vụ việc cụ thể.

Việc ủy quyền phải được quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng định giá thường xuyên. Chủ tịch Hội đồng định giá phải thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân về danh sách thành viên cụ thể của Hội đồng định giá trong từng vụ việc cụ thể.

c. Trong quá trình thực hiện định giá, Chủ tịch Hội đồng định giá phải kịp thời trình Ủy ban nhân dân có quyết định điều chỉnh, bổ sung thành viên Hội đồng khi có thay đổi về nhân sự (nghỉ hưu theo chế độ, luân chuyển công tác...) để đảm bảo hoạt động liên tục của Hội đồng định giá.

4. Việc lựa chọn danh sách thành viên Hội đồng trong từng vụ việc cụ thể phải phù hợp với yêu cầu định giá tài sản và không thuộc các trường hợp không được tham gia định giá tài sản theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng định giá, Tổ giúp việc Hội đồng định giá

1. Chủ tịch Hội đồng định giá và thành viên Hội đồng có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP.

2. Căn cứ tính chất vụ việc định giá tài sản, Chủ tịch Hội đồng định giá quyết định số lần tổ chức phiên họp định giá tài sản và phân công công việc cho các thành viên Hội đồng, Tổ giúp việc Hội đồng định giá (sau đây gọi tắt là Tổ giúp việc) (nếu có) chuẩn bị các báo cáo thuyết minh, giải trình về chuyên môn